

Tiết Lập Xuân

đông Lan

Như ta đã biết, thuyết Kim Định đã đi trước các khám phá khoa học mới nhất. Ngày hôm nay thì giới nghiên cứu khảo cổ, hải dương, di truyền... đã đồng loạt tuyên dương đại tộc Bách Việt là giống dân xuất hiện đầu tiên ở miền Đông Nam Á, làm chủ hai nền văn minh lúa nước Hoà Bình và trống đồng Đông Sơn. Trước đó, từ thập niên 1960 triết gia Kim Định đã hùng hồn khẳng định chủ quyền văn hoá của Việt tộc, nhấn mạnh yếu tố bản địa của Việt, Việt Nho, mà Khổng Tử chỉ đóng vai trò san định .

Trên tinh thần ấy, khi tìm hiểu về nền lịch pháp cổ, cũng chính là **VIỆT LỊCH**.

.....Khi vua Nghiêu truyền ngôi cho vua Thuấn (gốc Việt) ngài cảnh trọng nhắc rằng: “**Thiên chi lịch số tại nhĩ cung**”. Cái Đạo Lý của lịch số nằm ngay trong tại trung cung của lòng, trung cung đó là **TÂM**. Chỉ với một ý thức Nhân Chủ cao độ của Việt Nho mới truyền đạt câu định nghĩa về lịch số sâu xa thần diệu như thế. Trong cảm thức về sự vận hành của các vì thiên thể, con người là chủ nhân để chiêm ngắm, sắp xếp, điều hòa cuộc sống. Cái tâm thức giao cảm cùng vũ trụ ấy là tâm thức nhân chủ. Như vậy Triết Lý của Việt Lịch là **NHÂN CHỦ và NỘI TÂM**, không như những ý thức ở đọt lệ thuộc, lý trí và duy vật.

Ta thấy lịch của ta thường đưa các câu ca dao, tục ngữ, châm ngôn xen vào lịch, đó chính là tinh thần đưa ý thức nhân chủ và nội tâm vào diễn hành của thời gian. Lâu ngày con người quên đi mất ý nghĩa đó, ý nghĩa quay trở về thăm cung lòng mình, ý nghĩa triết lý của lịch. Đó là một mất mát lớn lao, khi ta quên đi rất nhiều yếu tố tâm linh trong đời sống. Đó là lý do cần có cuộc phục hoạt những nguồn năng lực tâm linh đã từ rất lâu bị mất đường về. Cho nên lịch chỉ còn là thời khóa biểu cho các công việc có tính chất vật bản: ăn uống, làm

lụng...Trong khi ý nghĩa cuối cùng của lịch là Đường Về Tính Thể: Tham dự cùng vận hành của thiên nhiên, Thông giao cùng tạo vật, Hòa hợp với ánh sáng, trăng sao . . .

Bản văn cổ đại nhất về Việt Lịch là Nghiêu Điền, mở đầu Kinh Thư. Đây là một kết quả cuối cùng của một sự suy tư tìm kiếm đã kéo dài không biết bao nhiêu thế kỷ từ trước. Bản văn then chốt ấy rút gọn như sau:

Nhật trung tinh Điều dĩ án Trung-Xuân.

Nhật vĩnh tinh Hỏa dĩ chính Trung-Hạ.

Dạ trung tinh Hư dĩ chính Trung-Thu.

Dạ vĩnh tinh Mão dĩ chính Trung-Đông.

Tuế tam bách lục thập lục nhật. Dĩ nhuận nguyệt chính tứ thời.

...= “ Khi ngày dài bằng đêm thì lấy sao Điều để ấn định Xuân –Phân.

Khi ngày dài thì lấy sao Hỏa để định Hạ Chí.

Khi đêm ngày dài bằng nhau thì lấy sao Hư để định Trung –Thu.

Khi đêm dài thì lấy sao Mão để định Đông Chí.

Như thế một năm có 366 ngày.

Dùng tháng nhuận để điều chỉnh bốn mùa cho hợp thời tiết”.

Giai đoạn này là thời đại sáng tạo mà đã đạt độ chính xác nhất về quãng dài của một năm, đưa ra khởi điểm một năm hợp lý nhất, và biểu lộ cách nhân bản tối đa.

Sau này mỗi thời vua lên ngôi đều coi lịch pháp là việc quan trọng bậc nhất, đều cải chế lịch cho sát với tự nhiên. Quách Thủ Kính đời Tống so sánh trước sau và xác định quãng năm là 365, 5 giờ 49’ 12”.

Theo thiên văn hiện đại một năm là 365, 5 giờ 48' 6/10. Như vậy sự cách biệt nhau giữa Việt Lịch và Dương Lịch chỉ có trong vòng một phút.

Có 3 Loại lịch đang lưu hành:

.1- Âm Lịch

2- Dương Lịch

3-Âm Dương Lịch

1- Âm Lịch

Âm lịch là lịch căn cứ vào sự tuần hoàn của mặt trăng. Mặt trăng xoay quanh trái đất, cứ một chu kỳ là một tháng, dài 29 ngày, 12 giờ, 44 phút, một năm âm lịch có 354 ngày ít hơn năm theo dương lịch là 11 ngày. Cứ ba năm thì âm lịch sẽ nhanh hơn dương lịch một tháng và 36 năm của âm lịch sẽ nhanh hơn dương lịch một năm. Cho nên đầu năm của âm lịch chạy khắp các mùa trong năm của dương lịch.

Người Hồi Giáo trên thế giới đang dùng loại Âm Lịch này. Ngày của người Hồi Giáo khởi đầu từ lúc mặt trời lặn khoảng lúc 6 giờ chiều. Tháng của người Hồi Giáo là lúc bắt đầu khi họ nhìn thấy trăng lưỡi liềm lên, sau khi mặt trời lặn. Năm của Hồi Giáo như đã nói ở trên chỉ có 354 ngày.

2- Dương Lịch

Dương lịch, ngược lại với Âm lịch, căn cứ vào sự quan sát mặt trời để quy định thời gian cho năm, rồi từ năm tính ra tháng, từ tháng tính ra ngày.

Dương Lịch là y cứ vào vòng quay của địa cầu chung quanh mặt trời mà ấn định mỗi năm có 365 ngày và mỗi chu kỳ 4 năm lại có một năm 366 ngày (tháng hai 29 ngày). Dương lịch cũng căn cứ vào vị trí của trái đất với mặt trời và độ nghiêng của trục địa cầu với các tia mặt trời mà xác định mùa.

Trái đất di chuyển quanh mặt trời với vận tốc khoảng 29.77 km/giây, trên một quỹ đạo hình bầu dục chiều dài khoảng 939.500.000 km, mà mặt trời là trung tâm.

Vì trục trái đất nghiêng chừng 66 độ 33' đối với mặt phẳng quỹ đạo của nó, nên mặt phẳng này cắt mặt trời theo một đường tròn lớn nghiêng khoảng 23 độ 27' đối với thiên xích đạo. Nếu ta đứng từ trái đất nhìn lên bầu trời, ta tưởng như mặt trời chuyển động chung quanh trái đất theo một đường cố định hàng năm. Đường này gọi là hoàng đạo.

3- Âm – Dương Lịch

Là loại lịch căn cứ vào cả vòng quay của mặt trăng lẫn mặt trời. Tây phương dùng mặt trời theo hàng ngang tức lúc mặt trời lặn, còn Đông phương dùng mặt trời hàng dọc. Phương pháp là căn cứ trên những vòm sao chung quanh bắc cực, tính từ sao Bắc Đẩu trở ra, rồi chia ra 4 cung, mỗi cung tương ứng với một vì sao làm chủ, trong Nghiêu Điển là: Điều, Hỏa, Hư, Mão đi với 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, còn ở giữa là trung cung dành cho sao Bắc Đẩu, lấy chuỗi sao Đại Hùng làm như kim đồng hồ để tính giờ. Rồi từ 4 cung đó mở rộng ra cả năm lấy 4 cung làm đích điểm cho 4 mùa. Hai mùa Đông Hạ theo mặt trời, hai mùa Xuân Thu theo hệ thống mặt trăng:

Đông Hạ chí nhật

Xuân Thu chí nguyệt

Dĩ biệt tứ thời chi tự

Vua Thuấn đã cho làm một bầu trời nhân tạo có các vòng hoàng đạo và xích đạo với các tinh tú bằng châu ngọc nạm vào các vị trí cân xứng có trục xoay bầu trời để nhận ra sự chuyển động của các tinh tú trên vòm trời. Trong phương pháp này, từ sao Bắc Đẩu kéo dọc xuống, sẽ xác định được 28 ngôi sao cố định hàng ngày cùng vòm trời xoay quanh sao Bắc Đẩu, gọi là “nhị thập bát tú” (1), do đó thành lập hệ thống 28 sao tinh tế và chính xác hơn hệ thống hàng ngang bị hạn cục vào những sao ở gần chỗ mặt trời lặn. Hệ thống hàng dọc này là căn bản

của nhị thập bát tú, có một không hai trong thiên văn cổ đại, không những qui định được quăng năm, tháng mà còn cả quăng tuần và giờ. Đã thế lối xếp đặt còn bao hàm được ý nghĩa triết lý, mỗi mùa có 7 sao thì tháng đầu 2 sao, tháng giữa 3, và tháng cuối 2 sao. Đó là phương pháp âm-dương lịch mà độ sai chạy so với thiên văn học ngày nay chỉ chênh lệch một phút như đời Tống, Quách Thủ Kính đã so sánh. Việt Lịch điều hòa Nhật -Nguyệt -Tinh để gây sự hòa hợp qua sự biểu lộ trăng sao: làm thế nào ngày rằm thì trăng tròn, mùa thì đi đúng tiết... Nhờ Hòa hợp nên Nhật Nguyệt tinh thần (thần là một quăng của vòng trời chia 12 như hoàng đạo) đều được giữ sắc thái riêng với những chức vụ riêng: Nhật coi vòng năm, Nguyệt coi vòng tháng, Tinh thần coi vòng giờ. Dương Lịch chỉ căn cứ trên mặt trời biểu lộ tính một chiều, đàn áp ngay trên cả trăng sao. Chỉ với quan niệm đồng nhất thể của Minh Triết Việt Nho, con người mới được an hưởng với những tiết nhịp vận chuyển của cả mặt trời lẫn trăng sao với những ngày hội hè đình đám của tứ thời xuân hạ thu đông, bát tiết, lập xuân, lập hạ, lập thu, lập đông, rồi đông chí, hạ chí, xuân phân, thu phân... tất cả là 24 tiết nhịp Giao Hòa với chữ Thời của nền Việt Lịch Đông Phương. Ta dùng từ Tết, chính là tiết, tiết nhịp hòa âm thống nhất Trời-Đất-Người thành Nhất Thể trong nền Đạo Lý của Việt Lịch.

(1) Chú thích

1-Hai mươi tám sao (tú) chia ra 4 chòm, 7 sao một chòm:

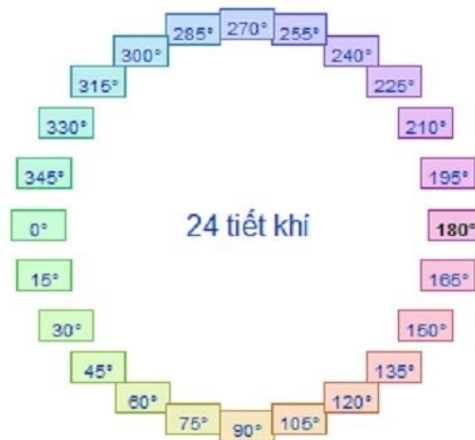
Chòm Thanh Long cho mùa Xuân, phía Đông: Giác, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vi, Cơ.

Chòm Chu Tước cho mùa Hạ, phía Nam: Tinh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chân.

Chòm Bạch Hổ cho mùa Thu, phía Tây: Khuê, Lô, Vị, Mão, Tất, Chủy, Sâm

Chòm Huyền Vũ cho mùa Đông, phía Bắc: Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Nguy, Thất, Bích .

Tiết Lập Xuân là tiết nhịp giao cảm đầu tiên của con người với chữ thời trong năm mới... Nếu tính điểm xuân phân là gốc (kinh độ Mặt Trời bằng 0°) thì vị trí của điểm lập xuân là kinh độ Mặt Trời bằng 315° .



Theo quy ước, tiết lập xuân là khoảng thời gian bắt đầu từ khoảng ngày 4 hay 5 tháng 2 (khi kết thúc tiết đại hàn) và kết thúc vào khoảng ngày 18 hay 19 tháng 2 trong lịch Gregory theo các múi giờ Đông Á khi tiết vũ thủy bắt đầu. Tiết khí thường rơi vào một trong hai ngày, nguyên nhân là do quỹ đạo chuyển động của trái đất quanh mặt trời chịu sự chi phối của nhiều yếu tố khác nên có thể nhanh chậm và sai lệch chút ít về thời gian, cho nên có ngày Tiết khí đến sớm thì vào ngày hôm trước, nếu đến muộn thì rơi vào thời điểm đêm hôm trước và bắt đầu vào ngày hôm sau.

Ngày lập xuân được coi là ngày bắt đầu mùa xuân ở Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên... gần khu vực xích đạo ở Bắc bán cầu trái đất. Đối với các nước ở cao hơn về phía bắc thì ngày bắt đầu của mùa xuân là ngày diễn ra điểm xuân phân tính theo lịch Gregory. Thời điểm này ở Nam bán cầu trái đất là đầu mùa thu.

Xét về mặt thời tiết, khí hậu thì từ thời điểm này trở đi ở miền bắc Việt Nam -tính từ đèo Hải Vân trở ra, do ảnh hưởng giao thời của hai luồng gió giao mùa là gió đông-bắc và gió đông-nam, bắt đầu có mưa nhỏ kéo dài còn gọi là mưa phùn làm độ ẩm của không khí và đất lên cao gây ra hiện tượng nồm (hiện tượng làm hơi nước ngưng tụ lại trên bề mặt các đồ vật tiếp giáp gần với mặt đất cũng như nhà cửa). Trong nông nghiệp thì hiện tượng này mang lại một số lợi ích do cây trồng bắt đầu có đủ lượng nước cần thiết để phát triển. Tuy nhiên trong đời sống hàng ngày thì thời tiết như vậy có thể gây ra nhiều khó khăn như các loại bệnh tật đối với người và gia cầm, gia súc cũng như cây trồng, do các loại vi khuẩn có điều kiện thuận lợi để phát triển dưới độ ẩm cao và nhiệt độ môi trường thích hợp.

Về nhân mệnh, **Tiết Lập Xuân** báo hiệu vận khí vũ trụ đã có sự thay đổi bắt đầu một chu kỳ mới. Vào Tiết Lập Xuân, kinh độ mặt trời là 315 độ. Xét về địa lý, lúc này mặt trời ở rất gần bắc bán cầu, nên nửa bán cầu phía bắc nhận được nhiều nhiệt độ và ánh sáng hơn nửa bán cầu phía nam. Mặc dù vậy do lượng nhiệt này tiêu hao trong việc làm ấm khí quyển, trái đất nên ta không cảm thấy tiết trời oi bức, mà ngược lại, thời tiết khá ấm áp, dễ chịu. Trong Tiết Lập Xuân, ánh sáng ở phía bắc bán cầu mạnh hơn, nên không gian thoáng đãng, sáng sủa, khác hẳn những ngày u ám của mùa đông. Vũ trụ thay đổi biến hóa cho vạn vật bắt đầu hồi sinh. Nhờ lượng mặt trời, ánh sáng, dương khí nên cây cối bắt đầu vươn mình, trỗi dậy khởi đầu cho một chu kỳ sinh trưởng mới. Nếu ta chịu khó quan sát sẽ thấy những mầm cây bắt đầu nhú dần ra, đâm chồi, nảy lộc. Về nhân mệnh thì từ sau Tiết Lập Xuân, sức khỏe nhiều người được cải thiện rõ rệt, nhất là những người già, trẻ nhỏ. Người khỏe mạnh, trung niên cũng cảm thấy thoải mái hơn, tâm lý

phần chân vui vẻ hơn. Khi nhận được dương khí, nhiệt lượng, ánh sáng cao thì nhiều bệnh sẽ bị đẩy lùi, thuyên giảm, nhất là bệnh về hô hấp, xương khớp. Nhiệt độ thấp làm con người làm việc thiếu chuẩn xác, thường xuyên phải tiêu hao năng lượng để cân bằng nhiệt độ với môi trường, chống cự sự giá lạnh. Khi sức khỏe được cải thiện, tâm lý vui vẻ, bệnh tật giảm thiểu, sự làm việc hiệu quả và các mối quan hệ thêm gắn bó, tình cảm hơn, do đó vận mệnh con người cũng ảnh hưởng theo. Có câu rất hay: Hòa sinh tài. Những người thường xuyên buồn bã, bi ai, nóng giận, cáu gắt thì may mắn của họ bị giảm xuống, cơ hội phát triển không còn nữa, vì trong mối quan hệ với người khác chắc chắn không được hòa thuận, giúp đỡ, chung sức nhiệt tình.

Do vậy, Tiết Lập Xuân là mốc đầu tiên của sự phục hồi những năng lượng tốt của một năm mới. Bắt đầu từ 00 giờ ngày đầu tiên của Tiết Lập Xuân, Việt Lịch gọi là Tháng Giêng, tháng Dần. Những ngày tháng về sau cũng được xác định bằng tiết khí, cho đủ 24 Tiết của chu kỳ một năm.(2)

Trở về với Việt đạo, thuận tiện thì lễ hội vào mùa với đàn nhạc thơ ca tung bừng vũ điệu. Giản dị nhưng vẫn đạt Thiên Lý, chúng ta có thể đón Tiết Lập Xuân với hương vị thanh đạm của thời trà, những thời trà độc ẩm, đối ẩm hay là quần ẩm. Lắng đọng tâm hồn, ghé bến thời gian, cảm nghe suối nguồn an bình của đạo lý Hòa Thời, tươi tằm uơm mầm hạt tâm linh cho một mùa gieo gặt mới...Mùa **Thiện Mỹ AN VI**.

Đông Lan

(2) Hai Mươi Tư Tiết Khí

i		
i		
Kinh độ	Mùa Xuân	Dương Lịch (Thông thường)
i		
315	Lập Xuân	4 - 5/2
330	Vũ Thủy	18 - 19/2
345	Kinh Trập	5 - 6/3
0	Xuân Phân	20 - 21/3
15	Thanh Minh	4 - 5/4
30	Cốc Vũ	20 - 21/4
i		
Mùa Hạ		Dương Lịch
45	Lập Hạ	5 - 6/5
60	Tiểu Mãn	21 - 22/5
75	Mang Chủng	5 - 6/6
90	Hạ Chí	21 - 22/6
105	Tiểu Thử	7 - 8/7
120	đại Thử	22 - 23/7
i		
Mùa Thu		Dương Lịch
135	Lập Thu	7 - 8/8
150	Xử Thử	23 - 24/8
165	Bạch Lô	7 - 8/9
180	Thu Phân	23 - 24/9
195	Hàn Lộ	8 - 9/10
210	Sương Giáng	23 - 24/10
i		
i		
Mùa đông		Dương Lịch
i		
225	Lập đông	7 - 8/11

240	Tiểu Tuyệt	22 -23/11
255	đại Tuyệt	7 -8/12
270	đông Chí	21 -22/12
285	Tiểu Hàn	5 -6/1
300	đại Hàn	20 -21/1
		i
		i